CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SETECCONS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SETECCONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SETECCONS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400931198

3. Ngày thành lập: 10/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 51 đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0908.959.886* Fax:

Email: Website: *seteccons.com.vn*

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	*4511*
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	*4513*
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	*4530*
10.	Bán mô tô, xe máy	*4541*
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	*4543*
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
15.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
16.	Bán buôn đồ uống	*4633*
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*

21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	*4662*
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
28.	Trồng cây ăn quả	*0121*
29.	Trồng cây lâu năm khác	*0129*
30.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
31.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
32.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
33.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
34.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	*8299*
36.	Giáo dục nhà trẻ	*8511*
37.	Giáo dục mẫu giáo	*8512*
38.	Giáo dục tiểu học	*8521*
39.	Giáo dục trung học cơ sở	*8522*
40.	Giáo dục trung học phổ thông	*8523*
41.	Đào tạo sơ cấp	*8531*
42.	Đào tạo trung cấp	*8532*
43.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng	*8692*
44.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	*8699*
45.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	*8710*
46.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiểu năng, tâm thần và người nghiện	*8720*
47.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	*8730*
48.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	*8790*
49.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác	*8890*
50.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	*9000*
51.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	*9101*
52.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	*9311*
53.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	*9312*
54.	Hoạt động thể thao khác	*9319*
55.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
56.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	*9329*
57.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*

58.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
59.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
60.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
61.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
62.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
63.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*
64.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	*9610*
65.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
66.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	*9639*
67.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	*9700*
68.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	*9810*
69.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	*9820*
70.	Lập trình máy vi tính	*6201*
71.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
72.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
73.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
74.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	*6810*
75.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	*6820*
76.	Hoạt động pháp luật	*6910*
77.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	*6920*
78.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	*7010*
79.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020*
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	*7110*
81.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
82.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	*7211*
83.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	*7213*
85.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	*7214*
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	*7221*

87.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	*7222*
88.	Quảng cáo	*7310*
89.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
90.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
91.	Hoạt động nhiếp ảnh	*7420*
92.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	*7490*
93.	Hoạt động thú y	*7500*
94.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
95.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
96.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
97.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
98.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
99.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
100.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
101.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
102.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
103.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
104.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
105.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
106.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
107.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
108.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
109.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
110.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
111.	Sản xuất đường	*1072*
112.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*
113.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
114.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
115.	Sản xuất chè	*1076*
116.	Sản xuất cà phê	*1077*
117.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
118.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
119.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
120.	Sản xuất sợi	*1311*
121.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
122.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*

123.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1391*
124.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
125.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*
126.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
127.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1399*
128.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
129.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
130.	Sản xuất giày, dép	*1520*
131.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
132.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
133.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
134.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
135.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
136.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
137.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
138.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
139.	In ấn	*1811*
140.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
141.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
142.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
143.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
144.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
145.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
146.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
147.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
148.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	*2310*
149.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
150.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
151.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
152.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
153.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
154.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
155.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
156.	Đúc sắt, thép	*2431*
157.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*

158.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
159.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	*2513*
160.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
161.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
162.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
163.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
164.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
165.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
166.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4774*
167.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
168.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
169.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
170.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
171.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	*4785*
172.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	*4789*
173.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	*4791*
174.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	*4799*
175.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
176.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
177.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
178.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	*5012*
179.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
180.	Vận tải hàng hóa hàng không	*5120*
181.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
182.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
183.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	*5222*
184.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	*5223*
185.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
186.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*
187.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	*5229*
188.	Bưu chính	*5310*
189.	Chuyển phát	*5320*
190.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
191.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
192.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*

193.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
194.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
195.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
196.	Xuất bản sách	*5811*
197.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ	*5812*
198.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	*5813*
199.	Hoạt động xuất bản khác	*5819*
200.	Xuất bản phần mềm	*5820*
201.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
202.	Cho thuê băng, đĩa video	*7722*
203.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
204.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
205.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	*7740*
206.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	*7810*
207.	Cung ứng lao động tạm thời	*7820*
208.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	*7830*
209.	Đại lý du lịch	*7911*
210.	Điều hành tua du lịch	*7912*
211.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
212.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	*8010*
213.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	*8020*
214.	Dịch vụ điều tra	*8030*
215.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
216.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
217.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
218.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
219.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
220.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
221.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
222.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
223.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
224.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
225.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
226.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
227.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*

228.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
229.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
230.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
231.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	*3530*
232.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
233.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
234.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
235.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
236.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
237.	Tái chế phế liệu	*3830*
238.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
239.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
240.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
241.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
242.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212(Chính)*
243.	Xây dựng công trình điện	*4221*
244.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
245.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
246.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
247.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
248.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
249.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
250.	Phá dỡ	*4311*
251.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
252.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
253.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
254.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
255.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
256.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
257.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
258.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
259.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*

260.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
261.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
262.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
263.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
264.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*
265.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	*4773*

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI VĂN DŨNG	Số 46 đường Trần Bình Trọng 1, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	120925841	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		

2	VŨ VĂN TIẾN	Thôn Yên Tập, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	121682501	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		
3	ONG THỊ THẢO	Số 50 đường Chu Danh Tể, tổ Nam Giang, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.100.000	11.000.000.000	55,000	121485671	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.100.000	11.000.000.000	55,000		
4	BÙI HUY TUẤN	Số 158 đường Sen Hồ, Thị Trấn Nếnh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	121706495	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: VŨ VĂN TIẾN Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *14/04/1989* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *121682501*
Ngày cấp: *03/03/2018* Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*
Địa chỉ thường trú: *Thôn Yên Tập, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Yên Tập, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang